

PHONG TRÀO DUY TÂN

DÂN CHỦ - CÔNG LÝ - THỊNH VƯỢNG

TUẦN SAN 42-2024

PHONG TRÀO DUY TÂN

TUẦN SAN 42-2024

©2024 Phong trào Duy Tân

www.phongtraoduytan.com

Mọi hỗ trợ và liên lạc xin theo địa chỉ email bên dưới:

phongtraoduytanvietnam@gmail.com

Theo dõi trên mạng xã hội:

Facebook: www.facebook.com/phongtraoduytan

X: www.x.com/@phongtraoduytan

Youtube: www.youtube.com/@phongtraoduytan

| | |
|--|--|
| Giải Nobel giúp giải quyết bài toán bất bình đẳng 6 | |
| Tại sao xây dựng quốc gia lại thất bại ở Afghanistan 10 | |
| Làm thế nào để giảm thiểu tham nhũng ở Ukraine 16 | |
| Vấn đề Trung Quốc của Mỹ 22 | |
| Hiểu về chủ nghĩa dân tộc mới 28 | |
| Lịch sử đã từng nói cho ta biết về AI rồi 34 | |
| Liệu chúng ta đã sẵn sàng cho sự phá huỷ sáng tạo của trí tuệ nhân tạo? 40 | |
| Điều gì đang không ổn với ChatGPT? 46 | |

GIẢI NOBEL GIÚP GIẢI QUYẾT BÀI TOÁN BẤT BÌNH ĐẲNG

BIÊN TẬP VIÊN PROJECT SYNDICATE



Trong khi ngay cả những nền kinh tế nghèo nhất thế giới cũng đã trở nên giàu có hơn trong những thập kỷ gần đây, họ vẫn tiếp tục tụt lại xa so với các nền kinh tế có thu nhập cao hơn – và khoảng cách này không có dấu hiệu thu hẹp. Theo các nhà kinh tế đoạt Giải Nobel năm nay, các thể chế là một lý do chính cho tình trạng này. Từ việc tái thiết Ukraine đến việc điều chỉnh trí tuệ nhân tạo, những hệ lụy này có tầm quan trọng sâu rộng và ảnh hưởng lớn.



BỨC TRANH LỚN

Năm nay, Giải Nobel Kinh tế được trao cho Daron Acemoglu, Simon Johnson và James A. Robinson vì những đóng góp của họ trong việc cải thiện hiểu biết về mối quan hệ giữa các thể chế và sự thịnh vượng. Những công cụ lý thuyết mà các học giả này phát triển để phân tích lý do và thời điểm những thể chế thay đổi đã giúp nâng cao khả năng của chúng ta trong việc giải thích – và giải quyết – những khác biệt lớn về tài sản giữa các quốc gia.

Thất bại của các nhà hoạch định chính sách trong việc hiểu cách hoạt động của các thể chế đã rõ ràng trong trường hợp của Afghanistan. Như Acemoglu đã giải thích vào năm 2021, “sự sụp đổ nhục nhã” của đất nước và sự chiếm đóng của Taliban sau cuộc rút lui hỗn loạn của Mỹ đã phản ánh một quan niệm sai lầm sâu sắc rằng một “nhà nước hoạt động” có thể được “áp đặt từ trên xuống bởi các lực lượng nước ngoài.” Như ông và Robinson đã chỉ ra trước đó, “cách tiếp cận này không hợp lý vì xuất phát điểm của nó là một xã hội hết sức đa dạng, được tổ chức xung quanh các phong tục và chuẩn mực địa phương, nơi mà các thể chế nhà nước từ lâu đã vắng mặt hoặc bị suy yếu.”

Các nhà lãnh đạo không nên lặp lại những sai lầm tương tự trong quá trình tái thiết Ukraine. Như Acemoglu và Robinson đã quan sát vào năm 2019, sau sự sụp đổ của chủ nghĩa cộng sản, đất nước này “vẫn bị mắc kẹt bởi các thể chế tham nhũng, tạo ra văn hóa tham nhũng và phá hủy lòng tin của công chúng.” Nếu đất nước muốn phát triển sau khi cuộc chiến hiện tại kết thúc, nó cần tránh việc khôi phục từ trên xuống các “thể chế mang tính khai thác” như trong quá khứ,

mà thay vào đó, cần để xã hội dân sự giúp “xây dựng các thể chế tốt hơn” từ dưới lên.

Acemoglu và Johnson đã lập luận rằng một hiểu biết tốt hơn về các thể chế cũng có thể giúp định hướng chính sách của Mỹ đối với Trung Quốc. Mặc dù sự lớn mạnh của ngành sản xuất Trung Quốc dường như là một ví dụ hoàn hảo về “luật lợi thế so sánh” nổi tiếng của nhà kinh tế học thế kỷ XIX David Ricardo, nhưng Trung Quốc đã có được nó nhờ các thể chế đàn áp. Vì vậy, thay vì làm cho mọi người trở nên tốt hơn, như định luật của Ricardo giả định, sức mạnh kinh tế của Trung Quốc “đe dọa sự ổn định toàn cầu và lợi ích của Mỹ” theo những cách mà buộc Mỹ phải có chính sách đáp trả ngày càng gia tăng.

Và không chỉ có Trung Quốc. Như Acemoglu đã chỉ ra, “dự án toàn cầu hóa sau Chiến tranh Lạnh cũng tạo điều kiện cho chủ nghĩa dân tộc hồi sinh trên toàn thế giới,” như ở Hungary, Ấn Độ, Nga và Thổ Nhĩ Kỳ. Trong bối cảnh này, phương Tây cần suy nghĩ lại cách tiếp cận của mình đối với việc tham gia, cả về kinh tế và chính trị, với những quốc gia này.

Những hiểu biết của Ricardo cũng liên quan đến các cuộc tranh luận về trí tuệ nhân tạo, như Acemoglu và Johnson đã lưu ý vào đầu năm nay. Việc máy móc “hủy diệt hay tạo ra việc làm hoàn toàn phụ thuộc vào cách chúng ta triển khai chúng và ai đưa ra những lựa chọn đó,” họ viết, nhấn mạnh rằng “cần có những cải cách chính trị lớn để tạo ra nền dân chủ thực sự, hợp pháp hóa các công đoàn và thay đổi hướng đi của sự tiến bộ công nghệ ở Anh trong thời kỳ Cách mạng Công nghiệp.” Tương tự, việc xây dựng trí tuệ thông minh nhân tạo (AI) nhằm “hỗ trợ công nhân” ngày nay sẽ yêu cầu

chúng ta “thay đổi hướng đi về đổi mới trong ngành công nghệ và giới thiệu các quy định và thể chế mới.”

Theo Acemoglu, ba nguyên tắc sau nên là kim chỉ nam của các nhà hoạch định chính sách. Thứ nhất, cần có các biện pháp để giúp đỡ những người bị ảnh hưởng tiêu cực bởi “sự sáng tạo phá hủy” đi kèm với tiến bộ công nghệ. Thứ hai, “chúng ta không nên giả định rằng sự gián đoạn là điều không thể tránh khỏi.” Ví dụ, thay vì thiết kế và triển khai AI “chỉ với suy nghĩ về sự tự động hóa” – một cách tiếp cận mà Acemoglu và Johnson đã chỉ ra sẽ có “hệ quả nghiêm trọng cho sức chi tiêu của người Mỹ” – chúng ta nên khai thác “tiềm năng to lớn của nó để làm cho công nhân trở nên năng suất hơn.” Cuối cùng, thời kỳ các nhà đổi mới sáng tạo hành động nhanh và phá vỡ mọi thứ cần phải được đặt lại phía sau. Điều rất quan trọng là chúng ta “cần chú ý hơn đến cách mà làn sóng đổi mới phá vỡ tiếp theo có thể ảnh hưởng đến các thể chế xã hội, dân chủ và công dân của chúng ta.”

Nguồn: PS Editors, “[Nobel laureates help solve the inequality puzzle](#)“, *Project Syndicate*, 14/10/2024.

Biên dịch: Phong trào Duy Tân

TẠI SAO XÂY DỰNG QUỐC GIA LẠI THẤT BẠI Ở AFGHANISTAN

DARON ACEMOGLU



Mặc dù Mỹ rõ ràng có thể đã quản lý việc rút quân khỏi Afghanistan tốt hơn, nhưng thảm kịch đang diễn ra trong tháng này đã hình thành trong suốt 20 năm. Ngay từ đầu, Mỹ và các đồng minh đã chấp nhận – và không bao giờ xem xét lại – một chiến lược xây dựng nhà nước từ trên xuống, mà vốn đã được định sẵn để thất bại.



ISTANBUL – Mỹ đã xâm lược Afghanistan 20 năm trước với hy vọng tái thiết một quốc gia vốn đã trở thành nỗi đau khổ cho thế giới và chính người dân nơi đây. Như Tướng Stanley McChrystal giải thích trước đợt tăng cường quân đội Mỹ năm 2009, mục tiêu là để “chính phủ Afghanistan có thể kiểm soát đủ lãnh thổ của mình nhằm hỗ trợ ổn định khu vực và ngăn chặn việc sử dụng lãnh thổ đó cho khủng bố quốc tế.”

Giờ đây, với hơn 100,000 sinh mạng đã mất và khoảng 2 nghìn tỷ đô la đã chi tiêu, điều mà Mỹ có thể chứng minh cho nỗ lực của mình chỉ là những cảnh hỗn loạn trong việc rút lui khỏi đất nước – một sự sụp đổ đáng xấu hổ gợi nhớ đến sự sụp đổ của Sài Gòn năm 1975. Điều gì đã sai?

Hầu như mọi thứ, nhưng không theo cách mà hầu hết mọi người nghĩ. Việc lập kế hoạch kém và thiếu thông tin chính xác chắc chắn đã góp phần vào thảm họa, nhưng vấn đề thực sự đã hình thành trong suốt 20 năm qua.

Mỹ đã hiểu từ rất sớm rằng cách duy nhất để tạo ra một quốc gia ổn định với một mức độ nào đó của pháp luật và trật tự là thiết lập các thể chế nhà nước vững mạnh. Được khuyến khích bởi nhiều chuyên gia và các lý thuyết lỗi thời, quân đội Mỹ đã coi thách thức này như một vấn đề kỹ thuật:

Afghanistan thiếu các thể chế nhà nước, lực lượng an ninh hoạt động, tòa án và những quan chức có kiến thức, vì vậy giải pháp là bơm nguồn lực và chuyển giao chuyên môn từ nước ngoài. Các tổ chức phi chính phủ và hệ thống viện trợ rộng lớn của Phương Tây đã có mặt để hỗ trợ theo cách riêng của họ (dù người dân địa phương có muốn hay không). Và vì công việc của họ cần một mức độ ổn định nào đó, các quân nhân nước ngoài – chủ yếu là lực lượng NATO, nhưng cũng

có các nhà thầu tư nhân – đã được triển khai để duy trì an ninh.

Khi xem xét việc xây dựng quốc gia như một quá trình “xây dựng nhà nước trước” từ trên xuống, các nhà hoạch định chính sách Mỹ đã tuân theo một truyền thống lâu đời trong khoa học chính trị. Giả định là nếu bạn có thể thiết lập sự thống trị quân sự áp đảo trên một lãnh thổ và khuất phục mọi nguồn quyền lực khác, bạn có thể áp đặt ý chí của mình. Tuy nhiên, ở hầu hết các nơi, lý thuyết này chỉ đúng một phần; và ở Afghanistan, nó hoàn toàn sai.

Chắc chắn rằng Afghanistan cần một nhà nước hoạt động. Nhưng giả định rằng một nhà nước có thể được áp đặt từ trên xuống bởi các lực lượng nước ngoài là không hợp lý. Như James Robinson và tôi lập luận trong cuốn sách năm 2019 của chúng tôi, “The Narrow Corridor”, cách tiếp cận này không có ý nghĩa khi điểm khởi đầu của bạn là một xã hội đa dạng sâu sắc được tổ chức quanh các phong tục và quy tắc địa phương, nơi mà các thể chế nhà nước đã lâu không hiện hữu hoặc bị suy yếu.

Đúng là phương pháp từ trên xuống đã thành công ở một số trường hợp (chẳng hạn như triều đại Tần ở Trung Quốc hoặc Đế chế Ottoman). Nhưng hầu hết các quốc gia không được xây dựng bằng vũ lực mà bằng sự thỏa hiệp và hợp tác. Việc tập trung quyền lực thành công dưới các thể chế nhà nước thường liên quan đến sự đồng thuận và hợp tác của người dân. Trong mô hình này, nhà nước không được áp đặt lên một xã hội và đi ngược lại mong muốn của họ; mà các thể chế nhà nước xây dựng tính hợp pháp bằng cách đảm bảo một mức độ ủng hộ từ quần chúng.

Điều này không có nghĩa là Mỹ nên hợp tác với Taliban. Nhưng điều đó có nghĩa là Mỹ nên làm việc gần gũi hơn với các nhóm địa phương khác nhau, thay vì đổ nguồn lực vào chế độ tham nhũng và không đại diện cho người dân của tổng thống đầu tiên sau Taliban, Hamid Karzai (và các anh em của ông). Ashraf Ghani, tổng thống Afghanistan được Mỹ hậu thuẫn, người đã trốn sang Các Tiểu Vương Quốc Ả Rập Thống Nhất tuần này, là đồng tác giả của một cuốn sách vào năm 2009 ghi lại cách chiến lược này đã thúc đẩy tham nhũng và không đạt được mục đích đề ra. Tuy nhiên, một khi nắm quyền, Ghani lại tiếp tục đi theo con đường cũ.

Tình hình mà Mỹ phải đối mặt ở Afghanistan thậm chí còn tồi tệ hơn so với những gì mà những người muốn xây dựng quốc gia thường gặp. Ngay từ đầu, dân Afghanistan đã xem sự hiện diện của Mỹ như một hoạt động nước ngoài nhằm làm yếu xã hội của họ. Đó không phải là một thỏa thuận mà họ mong muốn.

Điều gì xảy ra khi các nỗ lực xây dựng nhà nước từ trên xuống diễn ra chống lại mong muốn của xã hội? Ở nhiều nơi, lựa chọn hấp dẫn duy nhất là rút lui. Đôi khi, điều này diễn ra dưới hình thức di cư thể xác, như James C. Scott đã chỉ ra trong cuốn “The Art of Not Being Governed (Nghệ Thuật Để Không Bị Quản Lý)”, nghiên cứu của ông về người Zomia ở Đông Nam Á. Hoặc điều này có thể có nghĩa là sống chung mà không có sự hợp tác, như trường hợp của người Scotland ở Anh hay người Catalan ở Tây Ban Nha. Nhưng trong một xã hội độc lập mạnh mẽ, được trang bị tốt, với một truyền thống lâu dài về mâu thuẫn và một lịch sử gần đây về nội chiến, phản ứng có thể xảy ra với nhiều khả năng là xung đột bạo lực.

Có lẽ mọi chuyện có thể đã khác nếu như cơ quan Tình báo Liên quân Pakistan không ủng hộ Taliban khi họ bị đánh bại về quân sự, nếu như các cuộc tấn công bằng máy bay không người lái của NATO không càng làm xa cách dân cư, và nếu các tầng lớp tinh hoa Afghanistan được Mỹ hỗ trợ không tham những phung phí. Nhưng mọi thứ đã không ủng hộ chiến lược “nhà nước trước hết” của Mỹ.

Thực tế là, các nhà lãnh đạo Mỹ lẽ ra nên biết rõ hơn. Như Melissa Dell và Pablo Querubín ghi lại, Mỹ đã áp dụng một chiến lược tương tự như ở Việt Nam, và điều này đã phản tác dụng một cách ngoạn mục. Những nơi bị ném bom nhằm khuất phục Việt Cộng đã trở nên ủng hộ mạnh mẽ cuộc nổi dậy chống Mỹ.

Thậm chí còn đáng chú ý hơn là trải nghiệm gần đây của quân đội Mỹ ở Iraq. Như nghiên cứu của Eli Berman, Jacob Shapiro và Joseph Felter chỉ ra, “đợt tăng cường” ở đó đã hoạt động hiệu quả hơn rất nhiều khi người Mỹ cố gắng chiếm được trái tim và tâm trí bằng cách gây dựng sự ủng hộ từ các nhóm địa phương. Tương tự, nghiên cứu của tôi với Ali Cheema, Asim Khwaja và James Robinson cho thấy rằng ở vùng nông thôn Pakistan, người dân thường tìm đến các tác nhân phi nhà nước khi họ nghĩ rằng các thể chế nhà nước là không hiệu quả và xa lạ với họ.

Tất cả những điều này không có nghĩa là việc rút quân không thể được quản lý tốt hơn. Nhưng sau 20 năm nỗ lực sai lầm, Mỹ đã bị định sẵn phải thất bại trong hai mục tiêu: rút khỏi Afghanistan và để lại một xã hội ổn định, dựa trên pháp luật.

Kết quả là một thảm kịch nhân đạo to lớn. Ngay cả khi Taliban không quay trở lại với những thực hành tồi tệ nhất của họ, đàn ông và đặc biệt là phụ nữ Afghanistan sẽ phải trả

giá cao cho những thất bại của Mỹ trong những năm và thập kỷ tới.

Nguồn: Daron Acemoglu, “Why Nation-Building Failed in Afghanistan”, *Project Syndicate*, 20/8/2021.

Biên dịch: Phong trào Duy Tân

LÀM THẾ NÀO ĐỂ GIẢM THIỆU THAM NHỮNG Ở UKRAINE

DARON ACEMOGLU

JAMES A. ROBINSON



Về mặt tăng trưởng kinh tế, trải nghiệm của Ba Lan và Ukraine trong những thập kỷ sau khi chế độ cộng sản sụp đổ là một bức tranh đối lập. Trong khi Ba Lan chấp nhận sức mạnh của xã hội dân sự rất dân chủ và trở nên giàu có hơn, Ukraine lại mắc kẹt trong các thể chế tham nhũng, tạo ra một nền văn hóa tham nhũng và phá hủy lòng tin của công chúng.



CAMBRIDGE – Trong khoảnh khắc hân hoan ngay sau khi Liên Xô sụp đổ, ít ai ngờ rằng Ukraine – một quốc gia công nghiệp hóa với lực lượng lao động được giáo dục và tài nguyên thiên nhiên phong phú – sẽ phải chịu đựng tình trạng trì trệ trong 28 năm tiếp theo. Trong khi đó, Ba Lan, vốn nghèo hơn Ukraine vào năm 1991, đã tăng trưởng gần như gấp ba lần GDP bình quân đầu người (theo sức mua tương đương) trong ba thập kỷ tiếp theo.

Hầu hết người Ukraine đều biết lý do tại sao họ tụt lại phía sau: đất nước của họ nằm trong số những quốc gia tham nhũng nhất thế giới. Nhưng tham nhũng không xuất hiện từ hư vô, vậy câu hỏi thực sự là nguyên nhân nào gây ra điều đó.

Giống như ở các nước cộng hòa Xô viết khác, quyền lực ở Ukraine từ rất lâu tập trung trong tay các tinh hoa của Đảng Cộng sản, thường được Kremlin bổ nhiệm. Tuy nhiên, Đảng Cộng sản Ukraine thực chất là một phiên bản từ Đảng Cộng sản Nga và thường hoạt động trên cơ sở tổn hại đến người Ukraine bản địa.

Hơn nữa, cũng như hầu hết các nước cộng hòa cũ của Xô viết (với ngoại lệ đáng chú ý là các quốc gia Baltic), quá trình chuyển đổi của Ukraine ra khỏi chủ nghĩa cộng sản do các tinh hoa cộng sản trước đây dẫn dắt, những người đã tự tái định hình thành các nhà lãnh đạo dân tộc. Điều này không mang lại kết quả tốt ở bất kỳ đâu. Tuy nhiên, trong trường hợp của Ukraine, tình hình đã trở nên tồi tệ hơn do cuộc đấu tranh quyền lực không ngừng giữa các tinh hoa cộng sản đối địch và các oligarch mà họ đã giúp tạo ra và phát triển.

Do sự thống trị của các phe phái đối kháng khác nhau, Ukraine đã bị chiếm giữ bởi những gì chúng ta gọi là các thế

chế chiếm đoạt: các sắp xếp xã hội tại đây trao quyền cho một bộ phận nhỏ của xã hội và tước đoạt tiếng nói chính trị của phần còn lại. Bằng cách nghiêng lệch vĩnh viễn sân chơi kinh tế, những sắp xếp này từ lâu đã ngăn cản đầu tư và đổi mới cần thiết cho tăng trưởng bền vững.

Sẽ không thể hiểu được tình trạng tham nhũng nếu không xem xét đến bối cảnh thể chế rộng hơn này. Ngay cả khi tham nhũng và lợi dụng vị trí ở Ukraine được kiểm soát, các thể chế chiếm đoạt vẫn sẽ cản trở sự phát triển. Điều này đã xảy ra ở Cuba, chẳng hạn, nơi Fidel Castro lên nắm quyền và kìm chế tham nhũng của chế độ trước đó, nhưng lại thiết lập một loại hệ thống chiếm đoạt khác. Giống như một loại nhiễm trùng thứ cấp, tham nhũng khuếch đại những bất cập do các thể chế chiếm đoạt tạo ra. Và loại nhiễm trùng này đặc biệt mạnh mẽ ở Ukraine, do sự mất niềm tin hoàn toàn vào các thể chế.

Các xã hội hiện đại phụ thuộc vào một mạng lưới phức tạp của các thể chế để giải quyết tranh chấp, điều tiết thị trường và phân bổ tài nguyên. Nếu không có niềm tin của công chúng, những thể chế này không thể thực hiện chức năng đúng đắn của mình. Khi công dân bình thường bắt đầu cho rằng thành công phụ thuộc vào mối quan hệ và hối lộ, giả định đó trở thành một tiên đề tự thành hiện thực. Thị trường trở nên gian lận, công lý trở nên giao dịch, và các chính trị gia bán mình cho người trả giá cao nhất. Theo thời gian, “văn hóa tham nhũng” sẽ thâm nhập vào xã hội. Ở Ukraine, ngay cả các trường đại học cũng bị ảnh hưởng: bằng cấp thường xuyên bị mua bán.

Mặc dù tham nhũng là một triệu chứng hơn là nguyên nhân của các vấn đề ở Ukraine, văn hóa tham nhũng cần phải

được triệt bỏ trước khi các điều kiện khác có thể cải thiện. Người ta có thể cho rằng điều này chỉ cần một nhà nước mạnh mẽ, có khả năng loại bỏ các chính trị gia và doanh nhân tham nhũng. Thật không đơn giản như vậy. Như cuộc chiến chống tham nhũng của Chủ tịch Trung Quốc Tập Cận Bình đã chỉ ra, các hành động từ trên xuống thường trở thành cuộc săn lùng các đối thủ chính trị của chính phủ, thay vì một cuộc trấn áp hành vi sai trái nói chung. Không cần phải nói, việc áp dụng tiêu chuẩn kép không phải là cách hiệu quả để xây dựng niềm tin.

Thay vào đó, việc chống tham nhũng hiệu quả đòi hỏi sự tham gia mạnh mẽ của xã hội dân sự. Thành công phụ thuộc vào việc cải thiện tính minh bạch, đảm bảo độc lập cho ngành tư pháp và trao quyền cho công dân bình thường để loại bỏ các chính trị gia tham nhũng. Cuối cùng, điểm nổi bật trong quá trình chuyển đổi hậu cộng sản của Ba Lan không phải là lãnh đạo hiệu quả từ trên xuống hay việc đưa ra thị trường tự do. Đó chính là sự tham gia trực tiếp của xã hội Ba Lan trong việc xây dựng các thể chế hậu cộng sản từ nền tảng.

Chắc chắn rằng, nhiều nhà kinh tế phương Tây đã đến Warsaw sau khi bức tường Berlin sụp đổ và ủng hộ việc tự do hóa thị trường từ trên xuống. Nhưng những đợt “liệu pháp sốc” đầu tiên của phương Tây đã dẫn đến tình trạng phá sản và sa thải hàng loạt, đồng thời tạo ra những chống đối rộng rãi trong xã hội được lãnh đạo bởi các công đoàn. Người Ba Lan đã đổ ra đường, và số lượng đình công tăng vọt – từ khoảng 215 cuộc đình công vào năm 1990 lên hơn 6,000 vào năm 1992 và hơn 7,000 vào năm 1993.

Bất chấp các chuyên gia phương Tây, chính phủ Ba Lan đã lùi bước trong các chính sách từ trên xuống, và thay vào đó tập trung vào việc xây dựng một sự đồng thuận chính trị xung quanh một tầm nhìn chung về cải cách. Các công đoàn đã được mời tham gia, nhiều nguồn lực hơn được phân bổ cho khu vực nhà nước, và một loại thuế thu nhập tiến bộ mới được giới thiệu. Chính những phản ứng này từ chính phủ đã khôi phục niềm tin vào các thể chế hậu cộng sản. Qua thời gian, chính những thể chế này đã ngăn chặn các nhà tài phiệt và những tinh hoa cộng sản cũ chiếm đoạt quá trình chuyển đổi, ngăn chặn sự lan tràn và bình thường hóa tham nhũng.

Ngược lại, Ukraine (cũng như Nga) đã nhận được đầy đủ liệu pháp tư nhân hoá và cải cách thị trường từ trên xuống. Không có ngay cả một sự giả bộ nào để trao quyền cho xã hội dân sự, quá trình chuyển đổi, một cách dự đoán được, đã bị các nhà tài phiệt và tàn dư của KGB chiếm đoạt.

Liệu một cuộc vận động toàn xã hội còn khả thi trong một quốc gia đã chịu đựng dưới sự lãnh đạo tham nhũng và các thể chế chiếm đoạt trong thời gian dài như Ukraine không? Câu trả lời ngắn gọn là có. Ukraine có một dân số trẻ, có tính chính trị cao, như chúng ta đã thấy trong Cách mạng Cam năm 2004-2005 và Cách mạng Maidan năm 2014. Quan trọng không kém, người dân Ukraine hiểu rằng tham nhũng phải được triệt bỏ để xây dựng các thể chế tốt hơn. Tổng thống mới của họ, Volodymyr Zelensky, đã vận động với lời hứa chống tham nhũng và đã được bầu với số phiếu áp đảo. Ông hiện phải khởi động quá trình dọn dẹp.

Những nỗ lực của Tổng thống Mỹ Donald Trump trong việc liên kết Ukraine với các giao dịch tham nhũng đã tạo cho Zelensky một cơ hội hoàn hảo để có một cử chỉ biểu tượng.

Ông nên từ chối công khai việc hợp tác với người Mỹ cho đến khi họ giải quyết vấn đề tham nhũng của chính họ (ngay cả khi điều đó có nghĩa là từ chối sự hỗ trợ bị ô uế).

Cuối cùng, Hoa Kỳ hiện là một trong những quốc gia cuối cùng nên lên lớp Ukraine về tham nhũng. Để có thể đóng vai trò đó một lần nữa, các tòa án và cử tri của Mỹ sẽ phải làm rõ những hành vi sai trái của chính quyền Trump, những cuộc tấn công vào các thể chế dân chủ, và các vi phạm niềm tin của công chúng sẽ không được chấp nhận. Chỉ khi đó, Mỹ mới trở thành một hình mẫu đáng để học hỏi.

Daron Acemoglu & James A. Robinson, “How to Stem Ukraine’s Corruption“, *Project Syndicate*, 14/10/2019.

VẤN ĐỀ TRUNG QUỐC CỦA MỸ

DARON ACEMOGLU

SIMON JOHNSON



Mặc dù ai cũng cho rằng các quốc gia đều sẽ được hưởng lợi khi tận dụng lợi thế so sánh của mình, nhưng lý thuyết kinh tế cổ điển này có thể gặp phải vấn đề khi được áp dụng một cách mù quáng vào thế giới thực. Trong trường hợp của Trung Quốc, các nhà lãnh đạo Mỹ đã không xem xét tại sao quốc gia này lại có được những thế mạnh như vậy.



BOSTON – Thay vì giả định rằng việc gia tăng thương mại quốc tế luôn có lợi cho người lao động và an ninh quốc gia Mỹ, chính quyền Tổng thống Joe Biden muốn đầu tư vào năng lực công nghiệp trong nước và củng cố quan hệ chuỗi cung ứng với các nước thân thiện. Nhưng dù sự thay đổi này đáng hoan nghênh, chính sách mới này có thể vẫn chưa đủ, đặc biệt khi nói đến việc giải quyết vấn đề mà Trung Quốc gây ra.

Trạng thái hiện tại trong tám thập kỷ qua là không nhất quán. Trong khi Mỹ theo đuổi chính sách đối ngoại hung hăng – và đôi khi đây toan tính – hỗ trợ các nhà độc tài và đôi khi can thiệp bằng các cuộc đảo chính do CIA hỗ trợ, nước này cũng đồng thời ủng hộ toàn cầu hóa, thương mại quốc tế và hội nhập kinh tế với mục đích mang lại thịnh vượng và làm cho thế giới trở nên thân thiện hơn với lợi ích của Mỹ.

Giờ đây khi trạng thái này đã thực sự sụp đổ, các nhà hoạch định chính sách cần phải đưa ra một phương án thay thế rõ ràng. Để đạt được điều đó, hai nguyên tắc mới có thể làm nền tảng cho chính sách của Mỹ. Thứ nhất, thương mại quốc tế nên được cấu trúc theo cách khuyến khích một trật tự thế giới ổn định. Nếu việc mở rộng thương mại giúp chuyển nhiều tiền hơn vào tay những kẻ cực đoan tôn giáo hoặc các chế độ độc tài hiếu chiến, sự ổn định toàn cầu và lợi ích của Mỹ sẽ bị ảnh hưởng. Cũng như Tổng thống Franklin D. Roosevelt đã từng nói vào năm 1936, “chế độ độc tài đe dọa hòa bình thế giới.”

Thứ hai, việc chỉ kêu gọi những “lợi ích của thương mại” mang tính trừu tượng là không đủ. Người lao động Mỹ cần nhìn thấy lợi ích cụ thể. Bất kỳ thỏa thuận thương mại nào

làm suy giảm đáng kể số lượng và chất lượng việc làm cho tầng lớp trung lưu Mỹ đều là xấu cho quốc gia và nhân dân, và rất có thể sẽ dẫn đến phản ứng chính trị.

Trong lịch sử, đã có những ví dụ quan trọng về việc mở rộng thương mại đem lại cả những môi quan hệ quốc tế hòa bình và thịnh vượng chung. Sự tiến triển đạt được từ hợp tác kinh tế Pháp – Đức sau Chiến tranh Thế giới thứ II đến Thị trường Chung Châu Âu và sau đó là Liên minh Châu Âu là một minh chứng. ‘Sau nhiều thế kỷ chiến tranh đẫm máu, Châu Âu đã có tám thập kỷ hòa bình và thịnh vượng ngày càng tăng, dù đôi lúc có trục trặc. Người lao động Châu Âu hưởng lợi nhiều từ điều này.

Tuy nhiên, Mỹ có lý do khác khi áp dụng phương châm “thương mại nhiều hơn nữa” trong và sau Chiến tranh Lạnh: nhằm đảm bảo lợi nhuận dễ dàng cho các công ty Mỹ, giúp họ kiếm tiền thông qua chênh lệch thuế và bằng cách chuyển một phần chuỗi sản xuất sang các quốc gia có chi phí lao động thấp.

Việc khai thác lao động giá rẻ có vẻ phù hợp với “luật lợi thế so sánh” nổi tiếng của nhà kinh tế học David Ricardo vào thế kỷ XIX, khi ông cho rằng nếu mỗi quốc gia chuyên môn hóa vào những gì mình làm tốt, thì một cách trung bình, mọi người sẽ được hưởng lợi. Nhưng vấn đề nảy sinh khi lý thuyết này được áp dụng một cách mù quáng vào thế giới thực.

Đúng là với chi phí lao động thấp hơn của Trung Quốc, luật của Ricardo cho thấy Trung Quốc nên chuyên sản xuất hàng hóa thâm dụng lao động và xuất khẩu chúng sang Mỹ. Nhưng cần phải hỏi rằng lợi thế so sánh đó đến từ đâu, ai được lợi

từ nó, và các thỏa thuận thương mại đó có ý nghĩa gì cho tương lai.

Câu trả lời, trong mỗi trường hợp, đều liên quan đến các thể chế. Ai có quyền sở hữu an toàn và được bảo vệ trước pháp luật, và quyền con người của ai có thể hoặc không thể bị chà đạp?

Lý do mà khu vực miền Nam của Hoa Kỳ cung cấp bông cho thế giới vào những năm 1800 không chỉ là vì điều kiện nông nghiệp tốt và “lao động giá rẻ”. Chính chế độ nô lệ đã tạo ra lợi thế so sánh cho miền Nam. Nhưng thỏa thuận này mang lại hệ lụy nghiêm trọng. Chủ nô miền Nam có được quyền lực đến mức có thể gây ra cuộc xung đột đẫm máu nhất của thời hiện đại, cuộc Nội chiến Mỹ.

Điều này cũng tương tự với đầu mỏ ngày nay. Nga, Iran và Ả Rập Xê Út có lợi thế so sánh trong sản xuất đầu mỏ, và các quốc gia công nghiệp hóa trả họ rất hậu hĩnh. Nhưng các thể chế đàn áp của họ đảm bảo rằng người dân của họ không được hưởng lợi từ sự giàu có do tài nguyên, và họ ngày càng sử dụng lợi ích từ lợi thế so sánh của mình để gây bất ổn toàn cầu.

Trung Quốc có thể trông khác ở bề ngoài, vì mô hình xuất khẩu của nước này đã giúp hàng trăm triệu người thoát khỏi đói nghèo và tạo ra một tầng lớp trung lưu khổng lồ. Nhưng Trung Quốc có được “lợi thế so sánh” trong sản xuất là nhờ vào các thể chế đàn áp. Người lao động Trung Quốc có rất ít quyền và thường phải làm việc trong điều kiện nguy hiểm, và nhà nước dựa vào trợ cấp và tín dụng giá rẻ để duy trì các doanh nghiệp xuất khẩu của mình.

Đây không phải là lợi thế so sánh mà Ricardo hình dung. Thay vì cuối cùng đem lại lợi ích cho tất cả mọi người, các chính sách của Trung Quốc đã gây thiệt hại cho người lao động Mỹ, những người đã mất việc làm nhanh chóng khi đối mặt với làn sóng hàng nhập khẩu không kiểm soát từ Trung Quốc vào thị trường Mỹ, đặc biệt là sau khi Trung Quốc gia nhập Tổ chức Thương mại Thế giới năm 2001. Khi nền kinh tế Trung Quốc phát triển, Đảng Cộng sản Trung Quốc có thể đầu tư vào một hệ thống công nghệ đàn áp phức tạp hơn.

Hướng đi của Trung Quốc không báo hiệu điều tốt lành cho tương lai. Nước này có thể chưa là một quốc gia bị khinh rẻ, nhưng sức mạnh kinh tế ngày càng tăng của Trung Quốc đe dọa đến sự ổn định toàn cầu và lợi ích của Mỹ. Trái ngược với những gì một số nhà khoa học xã hội và nhà hoạch định chính sách tin tưởng, tăng trưởng kinh tế không làm cho Trung Quốc trở nên dân chủ hơn (hai thế kỷ lịch sử cho thấy rằng tăng trưởng dựa trên khai thác và bóc lột hiếm khi mang lại điều đó).

Vậy, làm thế nào để Mỹ đặt sự ổn định toàn cầu và quyền lợi của người lao động vào trung tâm của chính sách kinh tế quốc tế? Thứ nhất, các công ty Mỹ nên được khuyến khích không đặt các mắt xích quan trọng trong chuỗi cung ứng sản xuất tại các nước như Trung Quốc. Cựu Tổng thống Jimmy Carter từng bị chế giễu vì nhấn mạnh tầm quan trọng của nhân quyền trong chính sách đối ngoại của Mỹ, nhưng ông ấy đã đúng. Cách duy nhất để đạt được một trật tự thế giới ổn định hơn là đảm bảo rằng các quốc gia thực sự dân chủ được hưởng thịnh vượng.

Các ông chủ doanh nghiệp tìm kiếm lợi nhuận không phải là những người duy nhất có lỗi. Chính sách đối ngoại của Mỹ từ

lâu đã đây rẫy những mâu thuẫn, với việc CIA thường phá hoại các chế độ dân chủ không cùng đường lối với lợi ích quốc gia hoặc lợi ích doanh nghiệp của Hoa Kỳ. Việc phát triển một cách tiếp cận có tính nguyên tắc hơn là điều cần thiết. Nếu không, những tuyên bố của Mỹ về việc bảo vệ dân chủ hoặc nhân quyền sẽ tiếp tục chỉ là những lời hô hào vô nghĩa.

Thứ hai, chúng ta phải thúc đẩy quá trình chuyển đổi sang nền kinh tế trung hòa carbon, đây là cách duy nhất để làm suy yếu các quốc gia đầu mỏ lạc hậu (nó cũng tốt cho việc tạo ra việc làm ở Mỹ). Nhưng chúng ta cũng phải tránh bất cứ sự phụ thuộc mới nào vào Trung Quốc trong việc xử lý các khoáng sản thiết yếu hoặc các nguyên liệu đầu vào quan trọng cho nền kinh tế xanh. May mắn thay, có rất nhiều quốc gia khác có thể cung cấp một cách ổn định những thứ này, bao gồm Canada, Mexico, Ấn Độ và Việt Nam.

Cuối cùng, chính sách công nghệ phải trở thành một thành phần chính của quan hệ kinh tế quốc tế. Nếu Mỹ ủng hộ sự phát triển của các công nghệ có lợi cho vốn chứ không phải cho lao động (thông qua tự động hóa, chuyển giao sản xuất ra bên ngoài (offshoring) và chênh lệch thuế quốc tế), chúng ta sẽ bị mắc kẹt trong trạng thái cân bằng xấu của nửa thế kỷ qua. Nhưng nếu chúng ta đầu tư vào các công nghệ có lợi cho người lao động nhằm giúp nâng cao kỹ năng và năng suất, chúng ta sẽ có cơ hội làm cho lý thuyết của Ricardo hoạt động như ý.

Nguồn: Daron Acemoglu and Simon Johnson, "America's Real China Problem", *Project Syndicate*, 6/11/2023.

Biên dịch: Phong trào Duy Tân

HIỂU VỀ CHỦ NGHĨA DÂN TỘC MỚI

DARON ACEMOGLU



Mặc dù chắc chắn mang lại lợi ích lớn, dự án toàn cầu hóa hậu Chiến tranh Lạnh cũng tạo ra điều kiện cho chủ nghĩa dân tộc trỗi dậy trên toàn thế giới. Với uy tín quốc tế đang ở mức thấp, các nhà hoạch định chính sách phương Tây sẽ cần phải suy nghĩ lại về cách họ tham gia về mặt kinh tế và chính trị với các quốc gia đã chấp nhận chủ nghĩa này.



CAMBRIDGE – Sự hưng phấn sau khi Bức tường Berlin sụp đổ năm 1989 không chỉ xoay quanh điều mà Francis Fukuyama gọi là “chiến thắng không thể chối cãi của chủ nghĩa tự do kinh tế và chính trị.” Nó còn liên quan đến sự suy tàn của chủ nghĩa dân tộc. Khi nền kinh tế thế giới ngày càng hội nhập nhanh chóng, người ta cho rằng con người sẽ bỏ lại sau lưng bản sắc dân tộc của mình. Dự án hội nhập châu Âu – được những người trẻ có học thức và tham vọng nhiệt tình ủng hộ – không chỉ mang tính siêu quốc gia mà còn mang tính hậu dân tộc.

Nhưng chủ nghĩa dân tộc đã quay trở lại và đang đóng vai trò trung tâm trong chính trị toàn cầu. Xu hướng này không chỉ giới hạn ở Hoa Kỳ hoặc Pháp, nơi cựu Tổng thống Donald Trump và lãnh đạo Đảng Mặt trận Quốc gia cực hữu Marine Le Pen lần lượt dẫn đầu các liên minh dân tộc chủ nghĩa mới. Chủ nghĩa dân tộc cũng đang thúc đẩy các phong trào dân túy ở Hungary, Ấn Độ, Thổ Nhĩ Kỳ và nhiều quốc gia khác. Trung Quốc đã áp dụng một hình thức chủ nghĩa độc tài dân tộc mới, và Nga đã phát động một cuộc chiến dân tộc nhằm xóa sổ quốc gia Ukraine.

Có ít nhất ba yếu tố thúc đẩy chủ nghĩa dân tộc mới. Thứ nhất, nhiều quốc gia bị ảnh hưởng có những oán hận lịch sử. Ấn Độ đã bị Anh quốc khai thác có hệ thống dưới thời thuộc địa, và Đế chế Trung Hoa đã bị suy yếu, sỉ nhục và lệ thuộc trong các cuộc Chiến tranh Nha phiến thế kỷ XIX. Chủ nghĩa dân tộc hiện đại của Thổ Nhĩ Kỳ được khơi gợi từ ký ức về sự chiếm đóng của phương Tây ở các khu vực rộng lớn của quốc gia này sau Thế chiến I.

Thứ hai, toàn cầu hóa đã làm gia tăng các căng thẳng vốn có. Nó không chỉ làm sâu sắc thêm sự bất bình đẳng ở nhiều

quốc gia (thường theo những cách không công bằng, bằng cách làm giàu cho những người có mối quan hệ chính trị); mà còn làm xói mòn các truyền thống và chuẩn mực xã hội lâu đời.

Và thứ ba, các nhà lãnh đạo chính trị ngày càng trở nên khéo léo và thiếu lương tâm trong việc lợi dụng chủ nghĩa dân tộc để phục vụ các mục đích cá nhân. Ví dụ, dưới sự cai trị độc tài của Chủ tịch Trung Quốc Tập Cận Bình, tình cảm dân tộc đang được nuôi dưỡng thông qua các chương trình giảng dạy mới ở cấp trung học và các chiến dịch tuyên truyền.

Tương tự, dưới chế độ dân tộc chủ nghĩa Hindutva của Thủ tướng Ấn Độ Narendra Modi, nền dân chủ lớn nhất thế giới đã rơi vào chủ nghĩa phi tự do của đa số. Tại Thổ Nhĩ Kỳ, Tổng thống Recep Tayyip Erdoğan ban đầu đã né tránh chủ nghĩa dân tộc, thậm chí còn dẫn đầu một tiến trình hòa bình với người Kurd vào đầu những năm 2010. Nhưng sau đó, ông đã hoàn toàn ủng hộ chủ nghĩa dân tộc và đàn áp truyền thông độc lập, các nhà lãnh đạo đối lập và những người bất đồng chính kiến.

Chủ nghĩa dân tộc ngày nay cũng là một phản ứng tự củng cố đối với dự án toàn cầu hóa hậu Chiến tranh Lạnh. Năm 2000, khi là ứng cử viên tổng thống, George W. Bush đã mô tả thương mại tự do là “một đồng minh quan trọng trong những gì Ronald Reagan gọi là ‘chiến lược tiến về tự do’... Thương mại tự do với Trung Quốc, và thời gian sẽ đứng về phía chúng ta.” Niềm hy vọng là thương mại và giao tiếp toàn cầu sẽ dẫn đến sự hội tụ về văn hóa và thể chế. Và khi thương mại trở nên quan trọng hơn, ngoại giao phương Tây sẽ trở nên mạnh mẽ hơn, vì các quốc gia đang phát triển sẽ sợ mất

quyền tiếp cận vào thị trường và tài chính của Mỹ và châu Âu.

Điều đó đã không diễn ra như mong đợi. Toàn cầu hóa được tổ chức theo cách tạo ra những lợi ích lớn cho các quốc gia đang phát triển có thể định hướng lại nền kinh tế của họ theo hướng xuất khẩu công nghiệp trong khi vẫn giữ mức lương thấp (bí quyết thành công của Trung Quốc) và cho các nền kinh tế mới nổi giàu dầu mỏ và khí đốt. Tuy nhiên, chính những xu hướng này đã trao quyền cho các nhà lãnh đạo dân tộc chủ nghĩa đầy sức hút.

Khi các quốc gia đang phát triển có vị thế tích lũy được nhiều nguồn lực hơn, họ cũng có khả năng lớn hơn để thực hiện tuyên truyền và xây dựng các liên minh. Tuy nhiên, khía cạnh ý thức hệ còn quan trọng hơn. Bởi vì ngoại giao phương Tây ngày càng bị coi là một hình thức can thiệp (một quan niệm có phần hợp lý), các nỗ lực bảo vệ nhân quyền, tự do báo chí hoặc dân chủ ở nhiều quốc gia đã chứng tỏ không hiệu quả hoặc thậm chí phản tác dụng.

Trong trường hợp của Thổ Nhĩ Kỳ, triển vọng gia nhập Liên minh Châu Âu được cho là sẽ cải thiện hồ sơ nhân quyền của đất nước và củng cố các thể chế dân chủ. Và trong một thời gian ngắn, điều đó đã thành công. Nhưng khi các yêu cầu từ đại diện EU ngày càng nhiều, chúng đã trở thành nguyên nhân để thúc đẩy chủ nghĩa dân tộc Thổ Nhĩ Kỳ. Quá trình gia nhập bị đình trệ và nền dân chủ của Thổ Nhĩ Kỳ đã suy yếu kể từ đó.

Chủ nghĩa dân tộc thúc đẩy cuộc xâm lược Ukraine của Nga phản ánh ba yếu tố đã nêu ở trên. Các giới tinh hoa chính trị và an ninh Nga tin rằng đất nước của họ đã bị sỉ nhục bởi phương Tây kể từ sau khi Bức tường Berlin sụp đổ. Việc Nga

hội nhập vào nền kinh tế thế giới mang lại ít lợi ích cho dân số, trong khi tạo ra sự giàu có không tương cho một nhóm các nhà tài phiệt có quan hệ chính trị, vô đạo đức, và thường có hoạt động phạm tội. Và mặc dù Tổng thống Nga Vladimir Putin điều hành một hệ thống bảo trợ rộng lớn, ông ta khéo léo nuôi dưỡng và lợi dụng tình cảm dân tộc.

Chủ nghĩa dân tộc Nga là tin xấu cho Ukraine vì nó giúp Putin củng cố chế độ của mình vững chãi hơn. Dù có các lệnh trừng phạt hay không, ông ta khó có khả năng bị lật đổ vì ông ta được bảo vệ bởi những thân tín có cùng lợi ích và quan điểm dân tộc. Thậm chí, sự cô lập có thể làm cho Putin trở nên mạnh mẽ hơn. Nếu chiến tranh không làm suy yếu chế độ của ông ta, nó có thể tiếp tục vô thời hạn bất kể mức độ thiệt hại kinh tế của Nga.

Kỷ nguyên của chủ nghĩa dân tộc trỗi dậy này mang lại một số bài học. Chúng ta có thể cần suy nghĩ lại cách tổ chức các quy trình toàn cầu hóa kinh tế. Không nghi ngờ gì nữa, thương mại rộng mở có thể mang lại lợi ích cho cả các nền kinh tế đang phát triển và phát triển. Nhưng trong khi thương mại đã giúp giảm giá cho người tiêu dùng phương Tây, nó cũng làm gia tăng bất bình đẳng và làm giàu cho các nhà tài phiệt ở Nga cùng với những kẻ thân Đảng Cộng sản ở Trung Quốc. Vốn, thay vì lao động, đã trở thành bên hưởng lợi chính.

Do đó, chúng ta cần xem xét các cách tiếp cận thay thế. Trên hết, các thỏa thuận thương mại không còn có thể được quyết định bởi các tập đoàn đa quốc gia hưởng lợi từ việc kiếm lời từ sự chênh lệch về mức lương thấp một cách nhân tạo và các tiêu chuẩn lao động không thể chấp nhận được ở các thị trường mới nổi. Chúng ta cũng không thể dựa vào các môi

quan hệ thương mại dựa trên lợi thế chi phí do nhiên liệu hóa thạch giá rẻ được trợ cấp tạo ra.

Hơn nữa, phương Tây có thể cần phải chấp nhận rằng họ không thể tác động một cách đáng tin cậy đến quỹ đạo chính trị của các đối tác thương mại của mình. Đồng thời, họ cũng cần tạo ra các biện pháp bảo vệ mới để đảm bảo rằng các chế độ tham nhũng, độc tài không thể ảnh hưởng đến chính trị của chính các quốc gia phương Tây. Và quan trọng nhất, các nhà lãnh đạo phương Tây nên nhận ra rằng họ sẽ có được nhiều uy tín hơn trong các vấn đề quốc tế nếu họ thừa nhận các hành vi sai trái trong quá khứ của chính quốc gia họ trong cả thời kỳ thuộc địa và Chiến tranh Lạnh.

Việc nhận ra ảnh hưởng hạn chế của phương Tây đối với chính trị của các quốc gia khác không có nghĩa là dung túng cho các hành vi vi phạm nhân quyền. Nhưng điều đó có nghĩa là các chính phủ phương Tây nên áp dụng một cách tiếp cận mới, hạn chế sự can thiệp chính thức và dựa nhiều hơn vào hành động của xã hội dân sự thông qua các tổ chức như Amnesty International hoặc Transparency International. Không có giải pháp toàn diện nào để đánh bại chủ nghĩa dân tộc độc tài, nhưng có những lựa chọn tốt hơn để đối phó với nó.

Nguồn: Daron Acemoglu, "Understanding the New Nationalism", *Project Syndicate*, 8/6/2022

Biên dịch: Phong trào Duy Tân

LỊCH SỬ ĐÃ TỪNG NÓI CHO TA BIẾT VỀ AI RỒI

DARON ACEMOGLY

SIMON JOHNSON



David Ricardo, một trong những người sáng lập nền kinh tế hiện đại vào đầu thế kỷ 19, đã thấy rằng máy móc không hẳn là tốt hay là xấu. Ông nhận thức được việc máy móc tạo ra hay xóa sổ các công việc phụ thuộc vào cách chúng ta triển khai máy móc như thế nào và ai là người đưa ra quyết định, và ngày nay nhận định này chính xác hơn bao giờ hết.



BOSTON – Trí tuệ nhân tạo (AI) và mối đe dọa của nó đối với các công việc tốt có vẻ như là một vấn đề hoàn toàn mới. Nhưng chúng ta có thể tìm thấy những ý tưởng hữu ích để đối phó với việc này từ tác phẩm của David Ricardo, một trong những nhà sáng lập kinh tế học hiện đại, người mà đã trực tiếp chứng kiến Cách mạng Công nghiệp ở Anh. Sự tiên bộ trong cách suy nghĩ của ông, bao gồm cả một số vấn đề mà ông đã bỏ sót, mang đến nhiều bài học bổ ích cho chúng ta ngày hôm nay.

Các nhà lãnh đạo công nghệ trong khu vực tư nhân hứa hẹn với ta về một tương lai tươi sáng hơn nơi mà ở đó công việc sẽ ít căng thẳng đi, số lượng cuộc họp nhàm chán cũng giảm bớt, thời gian rảnh rỗi cũng nhiều lên và thậm chí việc có thu nhập cơ bản phổ quát là điều có thể xảy ra. Nhưng liệu chúng ta có nên tin họ không? Nhiều người có thể mất đi các công việc mà họ coi là công việc tốt và bị buộc phải đi tìm việc khác với mức lương thấp hơn. Xét cho cùng thì, các thuật toán đang dần thay thế các công việc mà đòi hỏi thời gian và sự chú ý của con người.

Trong tác phẩm nền tảng của mình vào năm 1817, “Những nguyên lý của kinh tế chính trị và thuế khóa”, Ricardo có một cái nhìn tích cực về việc máy móc đã cách mạng hóa ngành dệt bông. Theo quan niệm phổ biến thời bấy giờ, ông từng nói trước Hạ viện rằng “máy móc không hề làm giảm đi nhu cầu lao động.”

Kể từ những năm 1770, sự tự động hóa việc kéo sợi bông đã làm giảm giá thành sợi bông và làm tăng nhu cầu về việc dệt sợi bông thành vải hoàn thiện. Và do phần lớn công việc dệt vải vẫn được thực hiện bằng tay trước những năm 1810, việc tăng đột biến trong nhu cầu này đã giúp biến dệt vải tay

thành một nghề thủ công có thu nhập cao, giúp hàng trăm nghìn đàn ông Anh có việc làm (bao gồm nhiều người dệt bông thủ công bị thất nghiệp trước thời kỳ công nghiệp). Trải nghiệm tích cực đầu tiên này với việc tự động hóa có lẽ đã khiến Ricardo có cái nhìn lạc quan như vậy ngay từ ban đầu.

Tuy nhiên, sự phát triển của máy móc ở quy mô lớn không chỉ dừng lại ở việc kéo sợi. Chẳng mấy chốc, các máy dệt chạy bằng hơi nước đã được triển khai ở trong các nhà máy dệt bông. Những người thợ dệt thủ công sẽ không còn kiếm được nhiều tiền bằng cách ngồi làm ở nhà 5 ngày một tuần nữa. Thay vào đó, họ sẽ phải vật lộn để nuôi sống gia đình trong khi làm việc nhiều giờ hơn dưới sự kiểm soát nghiêm ngặt trong các nhà máy.

Khi sự lo lắng và biểu tình lan rộng khắp miền Bắc nước Anh, Ricardo đã thay đổi quan điểm của mình. Trong lần ấn bản thứ ba của cuốn sách vào năm 1821, ông đã thêm vào một chương mới là “Về Máy móc,” mà trong đó ông nhấn mạnh rằng: “Nếu máy móc có thể làm tất cả những gì mà lao động hiện đang làm, thì sẽ không còn nhu cầu lao động nữa.” Điều này cũng đúng với AI ngày nay. Việc người lao động bị các thuật toán thay thế các nhiệm vụ trước đây họ làm cũng không phải là tin tốt với họ, trừ khi họ có thể tìm được công việc mới có thu nhập tốt hơn.

Trong những năm 1810 và 1820, hầu hết các nghề nhân dệt thủ công mà đang gặp khó khăn đều không đi làm ở các nhà máy dệt mới, bởi vì máy dệt không cần quá nhiều công nhân để mà vận hành. Trong khi việc tự động hóa việc kéo sợi đã tạo ra cơ hội việc làm hơn cho các thợ dệt, việc tự động hóa việc dệt không tạo ra đủ nhu cầu lao động để bù đắp cho các lĩnh vực khác. Nền kinh tế Anh nói chung đã không tạo ra đủ

các công việc được trả lương cao mới, ít nhất là cho đến khi ngành đường sắt phát triển mạnh mẽ vào những năm 1830. Với ít lựa chọn khác trong tay, hàng trăm nghìn người thợ dệt thủ công vẫn tiếp tục chọn làm nghề này, ngay cả khi lương giảm hơn một nửa.

Một vấn đề then chốt khác, mặc dù không phải là vấn đề mà Ricardo tự mình đề cập, là vấn đề làm việc trong điều kiện khắc nghiệt ở các nhà máy, trở thành một bánh răng nhỏ trong “những nhà máy quỷ dữ” do chủ sử dụng lao động kiểm soát vào đầu thế kỷ 19. Điều này không hề hấp dẫn đối với những người thợ dệt thủ công. Nhiều người thợ dệt thủ công đã tự mình trở thành những doanh nhân độc lập và mua sợi bông rồi bán sản phẩm dệt của họ trên thị trường. Rõ ràng là, họ không thấy nhiệt tình với việc phải làm việc nhiều giờ hơn, kỷ luật hơn, mà tính tự chủ lại ít hơn và lương được trả thường là thấp hơn (ít nhất là so với thời kỳ hoàng kim của ngành dệt thủ công). Trong các lời khai thu thập bởi vài Ủy ban Hoàng gia, những người thợ dệt đã cay đắng kể về việc họ từ chối chấp nhận những điều kiện làm việc như vậy, hoặc nói về việc cuộc sống của họ trở nên tồi tệ như thế nào khi họ bị ép buộc (do thiếu lựa chọn khác) làm những công việc như vậy.

Trí tuệ nhân tạo hiện nay có tiềm năng rất lớn và đã đạt được một số thành tựu đáng kể, bao gồm cả việc nghiên cứu khoa học. Nó có thể được dùng để giúp người lao động nắm được nhiều thông tin hơn, năng suất hơn, độc lập hơn và đa năng hơn. Thật không may là, ngành công nghệ có vẻ như muốn dùng nó vào mục đích khác. Như chúng tôi đã giải thích trong cuốn sách *Power and Progress*, các công ty lớn đang phát triển và triển khai AI chủ yếu để ưu tiên tự động hóa

(thay thế con người) hơn là để tăng cường cho con người (làm cho con người làm việc năng suất hơn).

Điều đó có nghĩa là chúng ta phải đối mặt với nguy cơ về việc tự động hóa quá mức: nhiều công nhân sẽ bị mất việc và những ai còn giữ được việc sẽ bị áp đặt các hình thức giám sát và kiểm soát theo một cách ngày càng bị hạ thấp về mặt nhân phẩm. Nguyên tắc “tự động hóa trước tiên và hỏi câu hỏi sau” nó yêu cầu và khuyến khích hơn nữa việc thu thập một lượng lớn thông tin trong nơi làm việc và tất cả mọi nơi trong xã hội, sẽ làm dấy lên câu hỏi về việc chúng ta sẽ còn lại bao nhiêu quyền riêng tư trong tay đây.

Một tương lai như vậy không phải là không thể tránh khỏi. Quy định về việc thu thập dữ liệu sẽ giúp bảo vệ quyền riêng tư, và các quy tắc nghiêm ngặt hơn tại nơi làm việc có thể ngăn chặn những khía cạnh tồi tệ nhất của giám sát dựa trên AI. Nhưng còn một nhiệm vụ cơ bản hơn, như Ricardo đã nhắc nhở chúng ta, là thay đổi cách nhìn chung về AI. Có thể nói, bài học quan trọng nhất từ cuộc đời và tác phẩm của ông là máy móc không tốt cũng không xấu. Cho dù chúng xóa bỏ hay tạo ra việc làm thì việc đó phụ thuộc vào cách chúng ta triển khai chúng như thế nào và ai sẽ đưa ra những lựa chọn đó. Trong thời đại của Ricardo, một nhóm nhỏ chủ sở hữu nhà máy đã đưa ra các quyết định và các quyết định đó tập trung vào tự động hóa và bóc lột người lao động hết mức có thể.

Ngày nay, một nhóm nhỏ các nhà lãnh đạo công nghệ dường như đang đi theo con đường tương tự. Nhưng việc tập trung vào việc tạo ra những cơ hội mới, những nhiệm vụ mới cho con người và tôn trọng mọi cá nhân thì sẽ đảm bảo rằng sẽ có những kết quả tốt đẹp hơn nhiều. AI thân thiện với người

lao động vẫn có thể tồn tại được, nhưng chỉ khi chúng ta có thể thay đổi hướng đi của việc đổi mới trong lĩnh vực công nghệ và thiết lập những quy định và thể chế mới.

Giống như trong thời đại của Ricardo vậy, sẽ thật ngây thơ nếu ta tin tưởng vào lòng tốt của các nhà lãnh đạo doanh nghiệp và công nghệ. Phải trải qua những cải cách chính trị lớn thì mới có nền dân chủ thực sự, hợp pháp hóa các nghiệp đoàn lao động và thay đổi hướng đi của tiến bộ công nghệ ở Anh trong cuộc Cách mạng Công nghiệp. Ngày nay chúng ta đang phải đối mặt với những thách thức cơ bản như vậy.

Daron Acemogly and Simon Johnson, "History Already Tells Us the Future of AI", *Project Syndicate*, 23/4/2024

Biên dịch: Phong trào Duy Tân

LIỆU CHÚNG TA ĐÃ SẴN SÀNG CHO SỰ PHÁ HUỖ SÁNG TẠO CỦA TRÍ TUỆ NHÂN TẠO?

DARON ACEMOGLU



Thay vì mù quáng tin tưởng vào những lý thuyết đơn giản nhưng hấp dẫn về bản chất của sự thay đổi mang tính lịch sử, chúng ta cần khẩn trương tập trung vào cách mà làn sóng đổi mới gây gián đoạn tiếp theo có thể ảnh hưởng đến các thể chế xã hội, dân chủ và công dân của chúng ta. Việc để các doanh nhân công nghệ tự quyết định có thể dẫn đến nhiều sự phá hủy hơn – và ít sự sáng tạo hơn – so với những gì chúng ta đã dự tính.



BOSTON – Một khái niệm cổ xưa của Trung Quốc về âm và dương cho thấy khuynh hướng của con người trong việc nhìn nhận các hình mẫu đôi lập liên kết với nhau trong thế giới xung quanh — đây là một khuynh hướng đã dẫn đến nhiều lý thuyết về các chu kỳ tự nhiên trong các hiện tượng xã hội và kinh tế. Giống như triết gia người Ả Rập vĩ đại thời Trung cổ tên Ibn Khaldun đã thấy con đường sụp đổ cuối cùng của một đế chế ẩn giấu trong sự trỗi dậy của nó, nhà kinh tế học thế kỷ 20 Nikolai Kondratiev đã đưa ra giả thuyết rằng nền kinh tế toàn cầu hiện đại đang vận động theo các siêu chu kỳ như các đợt sóng dài.

Nhưng không có lý thuyết nào phổ biến, kể từ thời Karl Marx, bằng lý thuyết liên kết sự phá hủy một bộ quan hệ sản xuất với việc tạo ra một bộ quan hệ khác. Viết vào năm 1913, nhà kinh tế học người Đức Werner Sombart nhận xét rằng, “từ sự phá hủy, một tinh thần sáng tạo mới xuất hiện.”

Nhà kinh tế học người Áo Joseph Schumpeter là người đã phổ biến và mở rộng phạm vi của lập luận rằng những sự đổi mới liên tục giúp thay thế các công nghệ chiếm ưu thế trước đó và lật đổ các gã khổng lồ công nghiệp cũ. Nhiều nhà khoa học xã hội đã phát triển ý tưởng về “sự hủy diệt sáng tạo” của Schumpeter để giải thích cho những quy trình đổi mới và các tác động rộng lớn hơn của nó. Những phân tích này cũng đã chỉ ra những căng thẳng tiềm ẩn trong khái niệm nêu trên. Ví dụ, liệu sự phá hủy có mang lại sự sáng tạo, hay đó là một sản phẩm tất yếu của sự sáng tạo? Quan trọng hơn, liệu tất cả sự phá hủy đều là điều không thể tránh khỏi?

Trong kinh tế học, các ý tưởng của Schumpeter đã tạo nên nền tảng cho lý thuyết tăng trưởng kinh tế, chu kỳ của sản phẩm, và thương mại quốc tế. Nhưng có hai sự phát triển liên

quan đến nhau đã đưa khái niệm “phá hủy sáng tạo” lên một tầm cao mới trong vài thập kỷ qua. Đầu tiên là sự thành công vang dội của cuốn sách “The Innovator’s Dilemma” (Thế Khó Xử Của Nhà Sáng Tạo) in vào năm 1997 của Clayton Christensen, giáo sư Trường Đại học Kinh doanh Harvard. Cuốn sách đã phát triển ý tưởng về “sự đổi mới gây gián đoạn” (disruptive innovation). Các đổi mới gây gián đoạn thường đến từ những công ty mới theo đuổi các mô hình kinh doanh mà các công ty hiện tại cho là không hấp dẫn, thường là vì chúng chỉ thu hút một phân khúc thấp của thị trường. Vì các công ty hiện tại thường cam kết với các mô hình kinh doanh của chính mình, họ bỏ lỡ “ làn sóng công nghệ vĩ đại tiếp theo.”

Sự phát triển thứ hai chính là sự trỗi dậy của Thung lũng Silicon, nơi các doanh nhân công nghệ đã biến tấu sự gián đoạn (disruption) thành một chiến lược rõ ràng ngay từ vạch xuất phát. Google đặt mục tiêu thay đổi cách tìm kiếm thông tin trên internet, và Amazon nhắm đến việc đổi mới ngành bán sách, sau đó mở rộng sang hầu hết các lĩnh vực bán lẻ khác. Sau đó, Facebook xuất hiện với khẩu hiệu “di chuyển nhanh và phá vỡ mọi thứ.” Mạng xã hội này đã biến đổi quan hệ xã hội và cách mà chúng ta giao tiếp một cách đột ngột, thể hiện cả sự phá hủy sáng tạo lẫn sự gián đoạn cùng một lúc.

Sự hấp dẫn đầy thông thái của những lý thuyết này nằm ở chỗ nó chuyển hóa sự phá hủy và sự gián đoạn, vốn là những tổn phí rõ ràng, trở thành những lợi ích hiển nhiên. Tuy nhiên, trong khi Schumpeter cho rằng quá trình hủy diệt là đau đớn và có thể nguy hiểm, thì những người đổi mới gây gián đoạn ngày nay chỉ thấy toàn thắng. Do đó, nhà đầu tư mạo hiểm và nhà công nghệ Marc Andreessen đã viết: “Sự

tăng trưởng năng suất, được thúc đẩy bởi công nghệ, đó cũng là động lực chính cho việc tăng trưởng kinh tế, tăng trưởng lương, và tạo ra các ngành công nghiệp và công việc mới, trong khi con người và vốn liên tục được tự do để làm những việc quan trọng, có giá trị hơn so với trước đây.”

Giờ đây, khi những hy vọng về trí tuệ nhân tạo đã vượt xa cả những gì Facebook từng có trong những ngày đầu tiên, chúng ta nên xem xét lại những ý tưởng này. Rõ ràng, đôi khi đôi khi mang tính gián đoạn về bản chất, và quá trình sáng tạo có tiềm năng phá hủy như Schumpeter đã đề cập. Lịch sử cho thấy rằng việc cản trở liên tục đối với sự phá hủy sáng tạo sẽ dẫn đến tình trạng trì trệ kinh tế. Nhưng điều đó không có nghĩa là sự phá hủy nên được tán dương. Thay vào đó, chúng ta nên xem nó như là một tổn phí mà đôi khi có thể được giảm thiểu, không chỉ bằng cách xây dựng các tổ chức tốt hơn để hỗ trợ những người bị thiệt thòi, mà còn bằng cách quản lý quá trình thay đổi công nghệ.

Hãy xem toàn cầu hóa. Trong khi nó tạo ra những lợi ích kinh tế quan trọng, nó cũng phá hủy các công ty, việc làm và sinh kế. Nếu bản năng của chúng ta là tôn vinh những tổn phí đó, có thể chúng ta sẽ không nghĩ đến việc tìm cách giảm thiểu chúng. Tuy nhiên, còn nhiều điều hơn nữa mà chúng ta có thể làm để hỗ trợ các công ty bị ảnh hưởng xấu (có thể đầu tư để mở rộng sang các lĩnh vực mới), giúp đỡ những công nhân mất việc (thông qua đào tạo lại và một mạng lưới an sinh xã hội), và hỗ trợ các cộng đồng bị tàn phá.

Việc không nhận ra những sắc thái này đã mở ra cánh cửa cho sự phá hủy sáng tạo và gián đoạn quá mức mà Silicon Valley đã áp đặt lên chúng ta trong vài thập kỷ qua. Nhìn về phía trước, có ba nguyên tắc nên là những hướng dẫn về cách

tiếp cận của chúng ta, đặc biệt là khi nói đến trí tuệ nhân tạo (AI).

Đầu tiên, giống như với toàn cầu hóa, việc giúp đỡ những người bị ảnh hưởng xấu là cực kỳ quan trọng và không nên coi là điều thứ yếu. Thứ hai, chúng ta không nên giả định rằng sự gián đoạn là không thể tránh khỏi. Như tôi đã lập luận trước đây, AI không nhất thiết phải dẫn đến sự tàn phá việc làm hàng loạt. Nếu những người thiết kế và triển khai nó chỉ tập trung vào tự động hóa (như nhiều ông lớn Silicon Valley mong muốn), công nghệ này sẽ chỉ tạo ra thêm khổ sở cho người lao động. Nhưng nó có thể đi theo những con đường thay thế hấp dẫn hơn. Cuối cùng, AI có tiềm năng to lớn để nâng cao năng suất của người lao động, chẳng hạn như bằng cách cung cấp thông tin tốt hơn và trang bị cho họ khả năng thực hiện các nhiệm vụ phức tạp hơn.

Việc tôn sùng sự phá hủy sáng tạo không nên che mờ tầm nhìn của chúng ta về những kịch bản đầy hứa hẹn hơn, hoặc về con đường méo mó mà chúng ta đang đi. Nếu thị trường không định hướng năng lượng đổi mới theo hướng có lợi cho xã hội, thì chính sách công và các quá trình dân chủ có thể làm nhiều điều để định hướng lại nó. Cũng như nhiều quốc gia đã cung cấp các gói trợ cấp để khuyến khích đổi mới trong năng lượng tái tạo, chúng ta còn có thể làm nhiều hơn nữa để giảm thiểu những tác hại từ AI và các công nghệ số khác.

Thứ ba, chúng ta phải nhớ rằng các quan hệ xã hội và kinh tế hiện có rất phức tạp. Khi chúng bị gián đoạn, rất nhiều hậu quả không lường trước có thể xảy ra. Facebook và các nền tảng mạng xã hội khác không có ý định làm độc hại diễn đàn công cộng của chúng ta bằng chủ nghĩa cực đoan, thông tin

sai lệch và sự nghiện ngập. Nhưng trong sự vội vã để làm gián đoạn cách chúng ta giao tiếp, họ đã theo nguyên tắc của riêng mình là di chuyển nhanh và sau đó tìm cách xin lỗi.

Chúng ta cần khẩn trương chú ý hơn đến cách mà làn sóng đổi mới gây gián đoạn tiếp theo có thể ảnh hưởng đến các thể chế xã hội, dân chủ và công dân của chúng ta. Để tận dụng tối đa sự phá hủy sáng tạo, cần có sự cân bằng hợp lý giữa các chính sách công ủng hộ đổi mới và sự tham gia dân chủ. Nếu chúng ta để các doanh nhân công nghệ tự bảo vệ các thể chế của mình, chúng ta có nguy cơ phải đối mặt với nhiều sự phá hủy hơn mức mà chúng ta đã dự tính.

Nguồn: Daron Acemoglu, “Are We Ready For AI Creative Destruction”, *Project Syndicate*, 09/04/2024

Biên dịch: Phong trào Duy Tân

ĐIỀU GÌ ĐANG KHÔNG ỔN VỚI CHATGPT?

DARON ACEMOGLU

SIMON JOHNSON



Trí tuệ nhân tạo đang được các tập đoàn Mỹ thiết kế và triển khai theo những cách có thể làm suy yếu và thay thế người lao động, đồng thời làm giảm chất lượng trải nghiệm của người tiêu dùng, dẫn đến việc khiến phần lớn nhà đầu tư phải thất vọng. Tuy nhiên, lịch sử kinh tế đã chứng minh rằng không nhất thiết phải diễn ra như vậy.



CAMBRIDGE – Microsoft được cho là rất hài lòng với ChatGPT của OpenAI, một chương trình trí tuệ nhân tạo ngôn ngữ tự nhiên có khả năng tạo ra văn bản giống như được viết bởi con người. Tận dụng việc dễ dàng tiếp cận vốn trong suốt thập kỷ qua, các công ty và quỹ đầu tư mạo hiểm đã đầu tư hàng tỉ đô la vào cuộc chạy đua công nghệ trí tuệ nhân tạo (AI), dẫn đến sự phát triển của một công nghệ có thể thay thế con người trong nhiều loại công việc hơn. Điều này có thể gây ra thảm họa không chỉ cho người lao động mà còn cho người tiêu dùng và thậm chí cả các nhà đầu tư.

Vấn đề đối với người lao động là hiển nhiên: sẽ có ít hơn những công việc yêu cầu kỹ năng giao tiếp tốt, dẫn đến số lượng vị trí có mức lương cao giảm sút. Những công việc như dọn dẹp, lái xe và một số công việc thủ công khác sẽ vẫn được duy trì, nhưng những người khác nên cảm thấy lo lắng. Xét đến lĩnh vực dịch vụ khách hàng. Thay vì thuê người tương tác với khách hàng, các công ty sẽ ngày càng dựa vào trí tuệ nhân tạo tạo sinh như ChatGPT để làm dịu những cuộc gọi giận dữ bằng những lời lẽ khéo léo và êm dịu. Việc giảm số lượng công việc đầu vào sẽ dẫn đến ít cơ hội bắt đầu một sự nghiệp – điều này tiếp tục kéo dài một xu hướng đã được xác lập bởi các công nghệ số trước đó.

Người tiêu dùng cũng sẽ gặp khó khăn. Mặc dù các Chatbot có thể đáp ứng tốt các câu hỏi cơ bản, nhưng những câu hỏi phức tạp mới thường khiến mọi người phải gọi đến dịch vụ khách hàng. Khi gặp phải một vấn đề nghiêm trọng – chẳng hạn như một hãng hàng không ngừng hoạt động hoặc ống nước trong tầng hầm bị vỡ – bạn sẽ muốn được nói chuyện với một chuyên gia có trình độ, biết thấu hiểu và có khả năng huy động nguồn lực để đưa ra giải pháp kịp thời. Bạn không muốn phải chờ đợi hàng giờ đồng hồ, nhưng cũng không

mong muốn được nói chuyện ngay lập tức với một Chatbot tuy lưu loát nhưng lại không mang lại hiệu quả gì.

Tất nhiên, trong một thế giới lý tưởng, những công ty mới với dịch vụ chăm sóc khách hàng tốt hơn sẽ nổi lên và giành được thị phần. Tuy nhiên, trong thực tế, có nhiều rào cản khiến cho việc mở rộng nhanh chóng của các công ty mới trở nên khó khăn. Bạn có thể yêu thích một tiệm bánh địa phương, một đại diện thân thiện của hãng hàng không, hoặc một bác sĩ nào đó, nhưng hãy nghĩ về những gì cần thiết để xây dựng một chuỗi siêu thị mới, một hãng hàng không mới, hay một bệnh viện mới. Các công ty hiện tại có những lợi thế đáng kể, bao gồm các quyền lực thị trường quan trọng, cho phép họ lựa chọn công nghệ nào có sẵn để áp dụng và sử dụng chúng theo cách họ mong muốn.

Căn bản hơn, các công ty mới muốn cung cấp sản phẩm và dịch vụ tốt hơn thường cần đến những công nghệ mới, như các công cụ kỹ thuật số giúp nâng cao hiệu quả làm việc của nhân viên và tạo ra những dịch vụ tùy chỉnh tốt hơn cho khách hàng của công ty. Tuy nhiên, vì các khoản đầu tư vào trí tuệ nhân tạo hiện đang ưu tiên việc tự động hóa, nên những loại công cụ này đang không được phát triển.

Các nhà đầu tư vào các công ty đại chúng cũng sẽ phải gánh chịu thiệt hại trong kỷ nguyên ChatGPT. Những công ty này hoàn toàn có thể cải thiện dịch vụ mà họ cung cấp cho người tiêu dùng bằng cách đầu tư vào công nghệ mới nhằm nâng cao năng suất lao động và khả năng thực hiện các nhiệm vụ mới, đồng thời cung cấp các chương trình đào tạo phong phú để nâng cao kỹ năng cho nhân viên. Tuy nhiên, họ lại không thực hiện điều đó. Nhiều giám đốc điều hành vẫn bị ám ảnh bởi một chiến lược mà sau cùng sẽ được nhớ tới như là một

hành động tự chuốc lấy thất bại: cắt giảm nhân sự và giữ mức lương ở mức thấp nhất có thể. Họ theo đuổi những biện pháp cắt giảm này vì đó là điều mà những người thông minh nhưng có tư duy non nớt (các nhà phân tích, tư vấn, giáo sư tài chính và các giám đốc điều hành khác) khuyên họ nên làm, và bởi Phố Wall đánh giá hiệu suất của họ dựa trên các công ty khác cũng đang siết chặt lao động đến mức tối đa.

Trí tuệ nhân tạo (AI) đang trên đà khuếch đại những hệ lụy tiêu cực của vốn tư nhân. Từ lâu, những khối tài sản khổng lồ đã được tạo ra bằng cách mua lại các công ty, chất thêm nợ khi chuyển sang hình thức tư nhân, rồi cắt giảm dân nhân sự – tất cả trong khi vẫn chi trả cổ tức cao cho các chủ sở hữu mới. Giờ đây, với sự xuất hiện của ChatGPT và các công nghệ AI khác, việc tận dụng công nghệ để đẩy người lao động vào tình thế khắc nghiệt sẽ trở nên dễ dàng hơn bao giờ hết, thông qua việc giám sát gắt gao tại nơi làm việc, điều kiện lao động căng thẳng hơn, hợp đồng lao động không cố định giờ giấc, cùng nhiều biện pháp tương tự.

Những xu hướng này đều mang lại những tác động tiêu cực đáng kể đến sức mua của người dân Mỹ – vốn là động lực chính của nền kinh tế Hoa Kỳ. Tuy nhiên, như chúng tôi giải thích trong cuốn sách sắp ra mắt *Power and Progress: Our Thousand-Year Struggle Over Technology and Prosperity* (Quyền Lực và Tiến Bộ: Cuộc Đấu Tranh Hàng Ngàn Năm Về Công Nghệ và Thịnh Vượng), việc nền kinh tế suy yếu không nhất thiết phải là viễn cảnh tương lai của chúng ta. Sau cùng thì sự ra đời của các loại máy móc mới và những đột phá công nghệ đã đem lại những kết quả rất khác nhau trong quá khứ.

Hơn một thế kỷ trước, Henry Ford đã cách mạng hóa sản xuất ô tô bằng cách đầu tư mạnh vào máy móc mới và phát triển một dây chuyền lắp ráp hiệu quả hơn. Đúng là những công nghệ mới này đã mang đến một mức độ tự động hóa nhất định, bởi các nguồn điện tập trung cho phép máy móc thực hiện nhiều nhiệm vụ một cách hiệu quả hơn. Nhưng sự tái tổ chức nhà máy cùng với quá trình điện khí hóa cũng tạo ra những nhiệm vụ mới cho người lao động và hàng nghìn công việc mới với mức lương cao hơn, củng cố sự thịnh vượng chung. Ford đã đi đầu trong việc chứng minh rằng tạo ra công nghệ hỗ trợ cho con người là một hướng kinh doanh tốt.

Ngày nay, AI cũng cung cấp cơ hội để làm điều tương tự. Các công cụ kỹ thuật số được hỗ trợ bởi AI có thể được sử dụng để giúp các y tá, giáo viên và nhân viên chăm sóc khách hàng hiểu rõ hơn về những gì họ đang đối mặt và có thể làm gì để cải thiện kết quả cho bệnh nhân, học sinh và người tiêu dùng. Khả năng dự đoán của các thuật toán có thể được khai thác để giúp đỡ con người, thay vì thay thế họ. Nếu AI được sử dụng để đưa ra các khuyến nghị cho con người xem xét, khả năng sử dụng những khuyến nghị này một cách khôn ngoan sẽ được công nhận là một kỹ năng quý giá của con người. Các ứng dụng AI khác có thể tạo điều kiện phân bổ người lao động tốt hơn vào các nhiệm vụ, hoặc thậm chí tạo ra các thị trường hoàn toàn mới (như Airbnb hoặc các ứng dụng gọi xe).

Thật không may, những cơ hội này đang bị bỏ qua, vì hầu hết các nhà lãnh đạo công nghệ ở Mỹ vẫn tiếp tục chi tiêu mạnh mẽ để phát triển phần mềm có thể thực hiện những nhiệm vụ mà con người đã làm tốt. Họ biết rằng có thể dễ dàng kiếm lời bằng cách bán sản phẩm của mình cho các công ty có tâm

nhìn hạn hẹp. Mọi người đều tập trung vào việc tận dụng AI để cắt giảm chi phí lao động, mà ít quan tâm đến trải nghiệm khách hàng cũng như tương lai của sức mua của người Mỹ.

Ford đã hiểu rằng việc sản xuất hàng loạt ô tô là vô nghĩa nếu đại chúng không có khả năng chi trả cho chúng. Những gã khổng lồ trong ngành công nghiệp hiện nay thì ngược lại, họ đang áp dụng công nghệ mới theo những cách sẽ phá hoại tương lai chung của chúng ta.

Daron Acemoglu, khôi nguyên Nobel Kinh tế năm 2024 và Giáo sư Kinh tế tại MIT, là đồng tác giả (cùng với James A. Robinson) của cuốn sách “Why Nations Fail: The Origins of Power, Prosperity and Poverty” (Tại Sao Các Quốc Gia Thất Bại: Nguồn Gốc của Quyền Lực, Sự Thịnh Vượng và Nghèo Đói) (Nhà xuất bản Profile, 2019) và là đồng tác giả (cùng với Simon Johnson) của cuốn sách “Power and Progress: Our Thousand-Year Struggle Over Technology and Prosperity” (Quyền Lực và Tiến Bộ: Cuộc Chiến Ngàn Năm của Chúng Ta về Công Nghệ và Sự Thịnh Vượng) (Nhà xuất bản Public Affairs, 2023).

James A. Robinson, khôi nguyên Nobel Kinh tế năm 2024 và Giám đốc Viện Pearson Chuyên Nghiên cứu và Giải quyết Các Xung đột Toàn cầu (the Pearson Institute for the Study and Resolution of Global Conflicts), hiện là Giáo sư tại Trường Chính sách Công Harris thuộc Đại học Chicago. Ông là đồng tác giả (cùng với Daron Acemoglu) của cuốn “The Narrow Corridor: States, Societies, and the Fate of Liberty” (Hành Lang Hẹp: Nhà Nước, Xã Hội và Số Phận của Tự Do) và “Why Nations Fail: The Origins of Power, Prosperity, and Poverty”

(Tại Sao Các Quốc Gia Thất Bại: Nguồn Gốc của Quyền Lực, Sự Thịnh Vượng và Nghèo Đói).

Simon Johnson, khôi nguyên Nobel Kinh tế năm 2024 và từng là kinh tế trưởng của Quỹ Tiền tệ Quốc tế (IMF), hiện là giáo sư tại Trường Quản lý Sloan của MIT, Giám đốc Chương trình Hình thành Tương lai của Công việc (Shaping the Future of Work initiative) tại MIT, và là Đồng Chủ tịch của Hội đồng Rủi ro Hệ thống CFA (the CFA Institute Systemic Risk Council). Ông là đồng tác giả (cùng với Daron Acemoglu) của cuốn “Power and Progress: Our Thousand-Year Struggle Over Technology and Prosperity” (Nhà xuất bản Public Affairs, 2023).

Nguồn: Daron Acemoglu and Simon Johnson, “What’s Wrong with ChatGPT?”, *Project Syndicate*, 6/2/2023

Biên dịch: Phong trào Duy Tân